

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I-ĐỀ 1

NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ 6

Thời gian làm bài: 90 phút

Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau.

Câu 1: Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

- A. 90^0 . B. $66^033'$. C. $23^027'$. D. 0^0 .

Câu 2: Kinh tuyến là

- A. những vòng tròn bao quanh quả địa cầu, vuông góc với kinh tuyến.
 B. nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả địa cầu, có độ dài bằng nhau.
 C. khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó.
 D. khoảng cách tính bằng độ từ vĩ tuyến gốc đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.

Câu 3: : Nếu cứ cách 1 độ vẽ các đường kinh tuyến thì trên quả địa cầu vẽ được

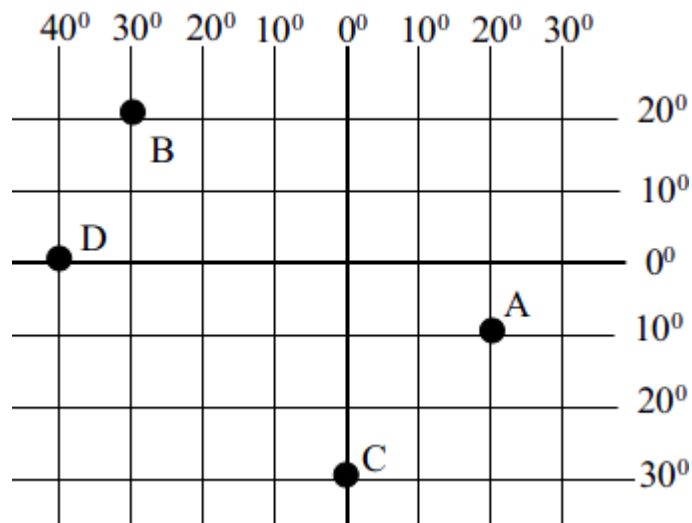
- A. 100 đường kinh tuyến.
 B. 180 đường kinh tuyến.
 C. 360 đường kinh tuyến.
 D. 400 đường kinh tuyến.

Câu 4: Kinh độ của 1 điểm là

- A. khoảng cách tính bằng độ từ điểm đó đến xích đạo.
 B. khoảng cách tính bằng độ từ điểm đó đến cực.
 C. Khoảng cách tính bằng độ từ điểm đó đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.
 D. Khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó.

Câu 5: . Dựa vào hình vẽ bên ,cho biết tọa độ địa lí của điểm A là

- A. (40^0 T ; 0^0) B. (0^0 ; 30^0 N)
 C. (30^0 T ; 20^0 B) D. (20^0 Đ ; 10^0 N)



Câu 6: Tỷ lệ bản đồ cho biết

- A. các khoảng cách trên bản đồ đã được phóng to.
- B. mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu.
- C. khoảng cách thực của chúng trên thực địa.
- D. khoảng cách tương ứng giữa thực tế với bản đồ.

Câu 7: :Nếu tỷ lệ bản đồ là 1:200 000 thì 5cm trên bản đồ sẽ tương ứng với số km trên thực địa là

- A. 150 km.
- B. 200 km.
- C. 10 km.
- D. 20 km.

Câu 8: Khoảng cách từ Huế đến Đà Nẵng khoảng 105km. Trên 1 bản đồ Việt Nam khoảng cách giữa 2 thành phố đó đo được 15 cm, vậy bản đồ đó có tỷ lệ bao nhiêu?

- A. 1: 600.000.
- B. 1: 700.000.
- C. 1: 500.000.
- D. 1: 400.000.

Câu 9: : Bản đồ có tỷ lệ càng lớn thì mức độ chi tiết của bản đồ càng

- A. chi tiết.
- B. thấp.
- C. cao.
- D. vừa.

Câu 10: Các dạng biểu hiện của tỷ lệ bản đồ gồm

- A. tỷ lệ số.
- B. tỷ lệ thước.
- C. tỷ lệ số và tỷ lệ khoảng cách.
- D. tỷ lệ số và tỷ lệ thước.

Câu 11: Một bản đồ có tỷ lệ là 1:500.000 có nghĩa là 1cm trên bản đồ tương ứng số km trên thực tế là

- A. 5000 cm.
- B. 500 cm.
- C. 50 km.
- D. 5 km.

Câu 12: Trái Đất có hiện tượng mùa vì

- A. Trái Đất tự quay từ tây sang đông.
- B. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng từ tây sang đông.
- C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một trục nghiêng với góc nghiêng không đổi.
- D. Trái Đất chuyển động tịnh tiến quanh trục.

Câu 13: Trái Đất luôn quay quanh trục và quanh Mặt Trời theo hướng từ

- A. đông sang tây.

- B. tây sang đông.
- C. tây sang bắc.
- D. nam lên bắc.

Câu 14: Nhận định nào sau đây không đúng về chuyển động của Trái Đất quanh trục?

- A. Trái Đất chuyển động quanh trục theo hướng từ tây sang đông.
- B. Thời gian Trái Đất chuyển động 1 vòng quanh trục hết 24 giờ.
- C. Trái Đất quay quanh 1 trục có thật, trục vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo.
- D. Trái Đất quay quanh 1 trục tưởng tượng, nghiêng $66^{\circ}33'$ trên mặt phẳng quỹ đạo.

Câu 15: Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo có hình

- A. tròn.
- B. elip gần tròn.
- C. vuông.
- D. chữ nhật.

Câu 16: Nước ta nằm ở khu vực giờ thứ

- A. 6.
- B. 7.
- C. 8.
- D. 9.

Câu 17: Trái Đất hoàn thành một vòng quay quanh Mặt trời trong khoảng thời gian

- A. 364 ngày 4 giờ.
- B. 364 ngày 7 giờ.
- C. 365 ngày 5 giờ.
- D. 365 ngày 6 giờ.

Câu 18: Nếu khu vực giờ gốc là 7 giờ thì Việt Nam là

- A. 10 giờ.
- B. 12 giờ.
- C. 14 giờ.
- D. 15 giờ.

Câu 19: : Trên Trái Đất, giờ khu vực phía Đông bao giờ cũng đến sớm hơn giờ khu vực phía Tây là do

- A. Trái Đất quay từ Đông sang Tây.
- B. Trái Đất quay từ Tây sang Đông.
- C. trục Trái Đất nghiêng một góc $66^{\circ}33'$
- D. Trái Đất có dạng hình cầu.

Câu 20: Đặc điểm nào sau đây không đúng về chuyển động của trái đất quanh mặt trời?

- A. Hướng quay từ tây sang đông
- B. Thời gian quay hết một vòng là 365 ngày 6 giờ
- C. Quỹ đạo chuyển động là hình cầu

D. Trong khi quay, trái đất luôn giữ hướng nghiêng không đổi

Câu 21: Cấu tạo của Trái đất gồm có

- A. 2 lớp.
- B. 3 lớp.
- C. 4 lớp
- D. 5 lớp.

Câu 22: Lớp Vỏ Trái Đất có độ dày trung bình là

- A. 5- 70 km.
- B. 7-100 km.
- C. 7-150 km.
- D. 2- 200km.

Câu 23: Bề mặt Trái Đất luôn có một nửa được mặt trời chiếu sáng là ngày và một nửa không được chiếu sáng là đêm , nguyên nhân là do

- A. Trái Đất tự quay quanh trục.
- B. trục Trái Đất nghiêng.
- C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
- D. Trái Đất có dạng hình cầu.

Câu 24: Nếu Việt Nam là 12 giờ thì ở Mát-xcơ-va (múi giờ 3) là

- A. 6 giờ.
- B. 7 giờ.
- C. 8 giờ.
- D. 9 giờ.

Câu 25: Vỏ Trái Đất được cấu tạo bởi

- A. 7 địa mảng lớn nằm kề nhau.
- B. 8 địa mảng lớn nằm kề nhau.
- C. 9 địa mảng lớn nằm kề nhau.
- D. 10 địa mảng lớn nằm kề nhau.

Câu 26: Lớp vỏ Trái Đất có đặc điểm

- A. rắn chắc.
- B. từ quánh dẻo đến lỏng.
- C. từ quánh dẻo đến rắn.
- D. lỏng ngoài rắn trong.

Câu 27: Khi các mảng kiến tạo di chuyển thì sinh ra hiện tượng

- A. sạt lở đất đá.
- B. địa hình bị bào mòn.
- C. động đất, núi lửa.
- D. hang động trong núi.

Câu 28: Câu ca dao sau đúng với nơi nào trên Trái Đất?

"Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng Ngày
tháng mười chưa cười đã tối".

- A. Bắc bán cầu.
- B. Nam bán cầu.

- C. Cả hai bán cầu.
- D. Khu vực nhiệt đới.

Câu 29: Lịch sử là

- A. những gì sẽ diễn ra trong tương lai.
- B. những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- C. những hoạt động của con người trong tương lai.
- D. những hoạt động của con người đang diễn ra.

Câu 30: Môn Lịch sử là môn học tìm hiểu về

- A. lịch sử loài người và những hoạt động chính của con người trong quá khứ.
- B. những hoạt động chính của con người sắp diễn ra.
- C. quá trình phát triển của con người.
- D. những hoạt động của con người ở thời điểm hiện tại.

Câu 31: Vì sao chúng ta phải học lịch sử ?

- A. Học lịch sử để biết về cội nguồn, đất nước, gia đình...
- B. Học để biết quê hương, biết gia đình, nhân loại...
- C. Học để tìm hiểu cội nguồn, đất nước, những điều mà chúng ta chưa biết...
- D. Học lịch sử để tìm hiểu về cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ, dân tộc và nhân loại

Câu 32: Tư liệu chữ viết gồm

- A. những bản ghi chép của người xưa để lại.
- B. những tác phẩm sử học của người xưa để lại.
- C. những bút tích được lưu lại trên giấy.
- D. những bản ghi, sách vở chép tay hay được in khắc bằng chữ viết.

Câu 33: Truyện “Sơn Tinh – Thủy Tinh” thuộc loại tư liệu gì?

- A. Tư liệu hiện vật.
- B. Truyền thuyết.
- C. Tư liệu truyền miệng.
- D. Ca dao, dân ca.

Câu 34: Thế nào là Trước công nguyên (TCN) và Công nguyên ?

- A. Trước công nguyên (TCN) tính từ trước năm 1 trước, Công nguyên là từ năm 1 trở về sau.
- B. Trước công nguyên (TCN) tính từ trước năm 1 trở về sau, Công nguyên là từ năm 1 trở về sau.
- C. Trước công nguyên (TCN) tính từ trước năm 1 trở về năm 2000, Công nguyên là từ năm 1 trở về năm 2000.
- D. Trước công nguyên (TCN) tính từ trước năm 1 trở về năm 2000, Công nguyên là từ năm 1 trở về sau.

Câu 35: Năm 2023 trước công nguyên cách năm 2021 bao nhiêu năm?

- A. 4000 năm.
- B. 4024 năm.
- C. 4044 năm.
- D. 4064 năm.

Câu 36: Loài người tiến hoá từ loài

- A. khỉ.
- B. vượn người.
- C. tinh tinh.
- D. đười ươi.

Câu 37: Ý nào sau đây cho thấy sự phát triển về đời sống của người tinh khôn so với người tối cổ ?

- A. Biết săn bắt, hái lượm.
- B. Biết ghè đẽo đá làm công cụ.
- C. Biết dùng lửa để sưởi ấm, nướng chín thức ăn và xua đuổi thú dữ.
- D. Biết trồng trọt, chăn nuôi gia súc và biết làm đồ trang sức.

Câu 38: Tổ chức xã hội đầu tiên của người nguyên thủy là

- A. công xã nông thôn.
- B. bầy người nguyên thủy.
- C. thị tộc.
- D. bộ lạc

Câu 39: Thị tộc là

- A. một nhóm người không cùng huyết thống, gồm vài gia đình.
- B. một nhóm người, gồm khoảng 2 - 3 thế hệ có cùng dòng máu, sống quần tụ với nhau.
- C. nhóm người có khoảng hơn 10 gia đình, gồm 2 thế hệ có chung dòng máu.
- D. một nhóm người sống chung với nhau.

Câu 40: Lao động có vai trò

- A. giúp con người từng bước tự cải biến, hoàn thiện mình và làm cho đời sống ngày càng phong phú hơn.
- B. giúp người nguyên thủy tiến hóa nhanh về hình dáng.
- C. giúp đời sống tinh thần của người nguyên thủy phong phú hơn.
- D. tạo ra thức ăn cho người nguyên thủy.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	B	C	D	D	B	C	B	C	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	B	B	C	B	B	D	C	B	C
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
B	A	D	C	A	A	C	A	B	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
C	D	B	A	C	B	C	B	B	A